TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **62**/2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Ξ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 321/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị D – Sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 68, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T - Sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 68, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị D – Sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 68, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và ông Nguyễn Hữu T - Sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 68, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Hữu T thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01-2012 ngày 17.01.2012 của UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý.

+ Về con chung: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Hữu T xác nhận có 01 con Nguyễn Trần Phương L - Sinh ngày 20.8.2012 và thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Trần Thị D trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trần Phương L - Sinh ngày 20.8.2012, ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời

gian thực hiện nghĩa cấp dưỡng kể từ ngày 01.11.2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hữu T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Hữu T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Hữu T xác nhận không có.

+ Án phí HNGĐ sơ thẩm: 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) bà Trần Thị D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do bà Trần Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0006411 ngày 05.9.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Bà Trần Thị D được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), (*Bà D đã nộp đủ tiền án phí*).

+ Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án ly hôn: 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* ông Nguyễn Hữu T chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Đ, huyện B,
tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Thủy